Phụ lục III

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA *(Điều chỉnh, bổ sung lần 1)*												Ghi chú
		Tổng 03 chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023			Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023			
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
	TỔNG SỐ	**114,081.00**	**75,361.00**	**38,720.00**	**2,238.00**	**1,013.00**	**1,225.00**	**56,263.00**	**40,321.00**	**15,942.00**	**55,580.00**	**34,027.00**	**21,553.00**	
I	**Huyện Ia H'Drai**	**114,081.00**	**75,361.00**	**38,720.00**	**2,238.00**	**1,013.00**	**1,225.00**	**56,263.00**	**40,321.00**	**15,942.00**	**55,580.00**	**34,027.00**	**21,553.00**	
a	***Cấp huyện***	***74,894.00***	***54,850.00***	***20,044.00***	***360.00***	***-***	***360.00***	***28,836.00***	***27,168.00***	***1,668.00***	***45,698.00***	***27,682.00***	***18,016.00***	
-	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện	54,593.00	54,593.00	-	-	-		27,168.00	27,168.00	-	27,425.00	27,425.00	-	
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	716.00	257.00	459.00	-	-		278.00	-	278.00	438.00	257.00	181.00	
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện	1,806.00	-	1,806.00	330.00	-	330.00	31.00	-	31.00	1,445.00	-	1,445.00	
-	Phòng Lao động Thương binh và xã Hội huyện	1,995.00	-	1,995.00	-	-		1,359.00	-	1,359.00	636.00	-	636.00	
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch	30.00	-	30.00	30.00	-	30.00	-			-			
-	Phòng Tư pháp huyện	10.00	-	10.00	-			-		-	10.00	-	10.00	
-	Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện	8.00	-	8.00	-	-		-			8.00	-	8.00	
-	Hội Liên hiệp phụ nữ huyện	349.00	-	349.00	-			-		-	349.00	-	349.00	
-	Giữ lại ngân sách huyện	15,387.00	-	15,387.00	-	-		-	-		15,387.00	-	15,387.00	
b	***Cấp xã***	***39,187.00***	***20,511.00***	***18,676.00***	***1,878.00***	***1,013.00***	***865.00***	***27,427.00***	***13,153.00***	***14,274.00***	***9,882.00***	***6,345.00***	***3,537.00***	

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA *(Điều chỉnh, bổ sung lần 1)*												Ghi chú
		Tổng 03 chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023			Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023			
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
-	Xã Ia Dom	7,996.00	4,761.00	3,235.00	1,088.00	1,013.00	75.00	5,540.00	3,200.00	2,340.00	1,368.00	548.00	820.00	
-	Xã Ia Đal	18,785.00	8,693.00	10,092.00	215.00	-	215.00	13,017.00	4,578.00	8,439.00	5,553.00	4,115.00	1,438.00	
-	Xã Ia Tơi	12,406.00	7,057.00	5,349.00	575.00	-	575.00	8,870.00	5,375.00	3,495.00	2,961.00	1,682.00	1,279.00	

Phụ lục V

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chương trình	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 *(Điều chỉnh, bổ sung lần 1)*																					Ghi chú
		Chi tiết dự án thành phần																					
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Dự án 1 (TDA 1)			Dự án 2	Dự án 3			Dự án 4				Dự án 5	Dự án 6			Dự án 7			
					Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	TDA 3	Vốn SN	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	
										Vốn SN	Vốn SN		Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN			Vốn SN	Vốn SN		Vốn SN	Vốn SN	
	TỔNG SỐ	**56,263**	**40,321**	**15,942**	**44,353**	**40,321**	**4,032**	**3,725**	**2,147**	**1,610**	**537**	**1,767**	**999**	**498**	**270**	**3,400**	**404**	**278**	**126**	**467**	**305**	**162**	
I	**Huyện Ia H'Drai**	**56,263**	**40,321**	**15,942**	**44,353**	**40,321**	**4,032**	**3,725**	**2,147**	**1,610**	**537**	**1,767**	**999**	**498**	**270**	**3,400**	**404**	**278**	**126**	**467**	**305**	**162**	
a	***Cấp huyện***	***28,836***	***27,168***	***1,668***	***27,168***	***27,168***			***85***	***31***	***54***	***1,118***	***999***	***91***	***28***		***322***	***278***	***44***	***143***	***91***	***52***	
-	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện	27,168	27,168		27,168	27,168																	Điều chỉnh giảm 4.258 triệu đồng của TDA 1 của DA 1
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	278		278													278	278					- Điều chỉnh tăng 195 triệu đồng TDA1, DA6
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện	31		31					31	31													
-	Phòng Lao động Thương binh và xã Hội huyện	1,359		1,359					54		54	1,118	999	91	28		44		44	143	91	52	
b	***Cấp xã***	***27,427***	***13,153***	***14,274***	***17,185***	***13,153***	***4,032***	***3,725***	***2,062***	***1,579***	***483***	***649***		***407***	***242***	***3,400***	***82***		***82***	***324***	***214***	***110***	

TT	Chương trình	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 *(Điều chỉnh, bổ sung lần 1)*																					Ghi chú
		Chi tiết dự án thành phần																					
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Dự án 1 (TDA 1)			Dự án 2	Dự án 3			Dự án 4				Dự án 5	Dự án 6			Dự án 7			
					Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	TDA 3	Vốn SN	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	
										Vốn SN	Vốn SN		Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN			Vốn SN	Vốn SN		Vốn SN	Vốn SN	
-	Xã Ia Dom	5,540	3,200	2,340	4,244	3,200	1,044	587	338	249	89	85		50	35	220	13		13	53	35	18	- Điều chỉnh tăng 900 triệu đồng của TDA 1 của DA 1 - Điều chỉnh giảm 32 triệu đồng TDA1, DA6
-	Xã Ia Đal	13,017	4,578	8,439	6,238	4,578	1,660	2,306	1,260	978	282	356		210	146	2,600	52		52	205	135	70	- Điều chỉnh giảm 123 triệu đồng TDA1, DA6
-	Xã Ia Tơi	8,870	5,375	3,495	6,703	5,375	1,328	832	464	352	112	208		147	61	580	17		17	66	44	22	- Điều chỉnh tăng 3.358 triệu đồng của TDA 1 của DA 1 - Điều chỉnh giảm 40 triệu đồng TDA1, DA6

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

1 Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

- *Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo*

2 Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

3 Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

- *Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*
- *Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng*

4 Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

TT	Chương trình	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 *(Điều chỉnh, bổ sung lần 1)*																						Ghi chú
		Chi tiết dự án thành phần																						
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Dự án 1 (TDA 1)			Dự án 2	Dự án 3			Dự án 4				Dự án 5	Dự án 6			Dự án 7			
					Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	TDA 3	Vốn SN	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	
										Vốn SN	Vốn SN		Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN			Vốn SN	Vốn SN		Vốn SN	Vốn SN	

- *Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*
- *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*
- *Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*

5 Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

6 Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

- *Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*
- *Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

7 Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

- *Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*
- *Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*

Phụ lục VII

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đvt: Triệu đồng

Điều chỉnh, bổ sung lần 1											Ghi chú
TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Bố trí kế hoạch năm 2023		Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	
						Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*		
TỔNG SỐ (I+II+III)								**85,769.40**	**75,361.00**		
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**							**38,618.45**	**34,027.00**		
1	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**							**4,448.40**	**4,044.00**		
1.1	**Hỗ trợ nhà ở**			**2022-2025**				**528.00**	**480.00**		
1	Xã Ia Dom					130.90	119.00	44.00	40.00		
2	Xã Ia Đal					917.40	834.00	308.00	280.00		
3	Xã Ia Tơi					523.60	476.00	176.00	160.00		
1.2	**Nước sinh hoạt**							**3,920.40**	**3,564.00**		
Xã Ia Đal								**3,170.20**	**2,882.00**		
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 6 thôn 3	UBND xã Ia Đal	Thôn 3, Xã Ia Đal	2023	QĐ số 421/QĐ-UNND ngày 09/12/2022 của UBND huyện	723.80	658.00	723.80	658.00		
2	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 6	UBND xã Ia Đal	Thôn 6, Xã Ia Đal	2023-	QĐ số 422/QĐ-UNND ngày 09/12/2022 của UBND huyện	622.60	566.00	622.60	566.00		

3	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 4	UBND xã Ia Đal	Thôn 4, Xã Ia Đal	2024-	QĐ số 423/QĐ-UNND ngày 09/12/2022 của UBND huyện	1,218.80	1,108.00	1,218.80	1,108.00		
4	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 1	UBND xã Ia Đal	Thôn 1, Xã Ia Đal	2023-2024	QĐ số 424/QĐ-UNND ngày 09/12/2022 của UBND huyện	1,282.60	1,166.00	605.00	550.00		
Xã Ia Tơi								**750.20**	**682.00**		
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Thôn 7, xã Ia Tơi	2023-	QĐ số 341/QĐ-UNND ngày 11/10/2022 của UBND huyện	1,853.50	1,685.00	750.20	682.00		Dự án chuyển tiếp
2	**Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**							**13,316.60**	**12,106.00**		
-	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	Ban quản lý ĐT&XD	Thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi	2022-2024	QĐ số 417/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND huyện	60,707.00	50,171.00	13,316.60	12,106.00		- Dự án chuyển tiếp
3	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**							**15,731.85**	**13,221.00**		
3.1	***Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi***							***15,731.85***	***13,221.00***		
Xã Ia Dom								**869.20**	**508.00**		
3	Xây dựng nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng thôn 4, xã Ia Dom	Xã Ia Dom	Thôn 4, xã Ia Dom	2023	QĐ số 74/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Dom	400.00	100.00	400.00	100.00	x	

4	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3, xã Ia Dom (*Giai đoạn 2*)	Xã Ia Dom	Thôn 3, xã Ia Dom	2023-	QĐ số 75/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Dom	1,035.00	900.00	133.40	116.00	x	
5	Đường ngõ xóm khu vực NT1-2, thôn 3, xã Ia Dom	Xã Ia Dom	Thôn 3, xã Ia Dom	2023-	QĐ số 76/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Dom	736.00	640.00	115.00	100.00	x	
6	Đường ngõ xóm khu vực NT1-1, thôn 3, xã Ia Dom	Xã Ia Dom	Thôn 3, xã Ia Dom	2023-	QĐ số 77/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Dom	552.00	480.00	220.80	192.00	x	
Xã Ia Đal								**960.25**	**835.00**		
1	Đường GTNT thôn Chư Hem (*Đường vào Dốc Đỏ*)	UBND xã Ia Đal	Thôn Chư Hem, Xã Ia Đal	2023-	QĐ số 140/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Đal	1,821.60	1,584.00	230.00	200.00	x	
2	Đường nội thôn điểm dân cư số 6, thôn 3	UBND xã Ia Đal	Thôn 3, Xã Ia Đal	2023-	QĐ số 141/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Đal	530.15	461.00	530.15	461.00	x	
3	Đường GTNT từ thôn 7 đi thôn Ia Der	UBND xã Ia Đal	Thôn 7, Xã Ia Đal	2023-	QĐ số 142/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Đal	2,865.80	2,492.00	200.10	174.00	x	
Xã Ia Tơi								**966.00**	**840.00**		
1	Đường giao thông đi nghĩa trang thôn 7	UBND xã Ia Tơi	Thôn 7, xã Ia Tơi	2023-	161/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Tơi	2,613.95	2,273.00	506.00	440.00	x	

2	Đường giao thông thôn đi sản xuất 9 xã Ia Tơi (*đoạn đấu nối Tl 675A đi sản xuất*)	UBND xã Ia Tơi	Thôn 9, xã Ia Tơi	2023-	162/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Tơi	2,576.00	2,240.00	460.00	400.00	x	
Cấp huyện								**12,936.40**	**11,038.00**		
-	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom *(Đoạn 1: Từ thôn 3 đi thôn Ia Muung, qua xã Ia Dom, dài khoảng 07 Km và Đoạn 2: Từ thôn Chư Hem đi thôn 6 qua xã Ia Đal, dài khoảng 06 Km)*	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Dom	2022-2024	QĐ số 332/QĐ-UNND ngày 29/9/2022 của UBND huyện	30,000.00	20,600.00	9,068.40	8,244.00		Dự án chuyển tiếp
-	Chợ trung tâm xã Ia Đal	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Đal	2023	QĐ số 329/QĐ-UNND ngày 29/9/2022 của UBND huyện	4,000.00	2,914.00	3,868.00	2,794.00		Dự án chuyển tiếp
4	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**							**4,709.10**	**4,281.00**		
4.1	***Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số***							***4,709.10***	***4,281.00***		
-	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành	Ban quản lý ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	QĐ số 330/QĐ-UNND ngày 29/9/2022 của UBND huyện	10,500.00	8,500.00	2,200.00	2,000.00		Dự án chuyển tiếp
-	Trường TH-THCS Hùng Vương	Ban quản lý ĐT&XD	Xã Ia Đal	2022-2024	QĐ số 331/QĐ-UNND ngày 29/9/2022 của UBND huyện	11,500.00	9,241.00	2,509.10	2,281.00		Dự án chuyển tiếp

5	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**							**129.80**	**118.00**		
	Xây dựng nhà văn hóa, công trình phụ trợ khác, sân thể thao thôn 4 Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Thôn 4, Xã Ia Đal	2023	QĐ số 143/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Đal	470.00	199.00	129.80	118.00	x	
6	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**							**282.70**	**257.00**		
6.1	***Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi***					***282.70***	***257.00***	***282.70***	***257.00***		
-	Hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	Phòng GD&ĐT	Xã Ia Đal, Ia Tơi	2023	QĐ số 424/QĐ-UNND ngày 09/12/2022 của UBND huyện	282.70	257.00	282.70	257.00		
II	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**							**45,023.65**	**40,321.00**		
1	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**							**45,023.65**	**40,321.00**		
1.1	***Tiểu dự án 1***							***45,023.65***	***40,321.00***		
Xã Ia Dom								**3,680.00**	**3,200.00**		

1	Đường GTNT làng thanh niên thôn 3, xã Ia Dom	Xã Ia Dom	Thôn 3, xã Ia Dom	2023	QĐ số 78/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Dom	1,472.00	1,280.00	1,472.00	1,280.00	x	
2	Đường vào khu sản xuất số 1 thôn 1, xã Ia Dom	Xã Ia Dom	Thôn 1, xã Ia Dom	2023-	QĐ số 79/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Dom	2,208.00	1,920.00	2,208.00	1,920.00	x	Điều chỉnh tăng 900 tiệu đồng
Xã Ia Đal						**9,460.80**	**8,064.00**	**5,277.60**	**4,578.00**		
6	Đường GTNT thôn 3 (*Điểm dân cư số 7 mở rộng*)	UBND xã Ia Đal	Thôn 3, xã Ia Đal	2022-2023	QĐ số 64/QĐ-UBND xã Ia Đal ngày 05/8/2022	4,492.80	3,744.00	309.60	258.00	x	Dự án chuyển tiếp
7	Đường GTNT thôn Ia Der Giai đoạn 1 (*Đường vào đội 12*)	UBND xã Ia Đal	Thôn Ia Der, xã Ia Đal	2023	QĐ số 144/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Đal	4,968.00	4,320.00	4,968.00	4,320.00	x	
Xã Ia Tơi								**6,181.25**	**5,375.00**		
11	Đường giao thông thôn làng nú đi điểm dân cư số 66 thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Thôn 9 xã Ia Tơi	2023-2025	163/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Tơi	4,995.50	4,475.00	5,146.25	4,475.00	x	Điều chỉnh tăng 3.358 tiệu đồng
12	Đường giao thông thôn đi sản xuất thôn 7, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Thôn 7 xã Ia Tơi	2023	164/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Tơi	1,035.00	900.00	1,035.00	900.00	x	
Cấp huyện								**29,884.80**	**27,168.00**		
1	Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	QĐ số 292/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của UBND huyện	22,000.00	20,000.00	6,600.00	6,000.00		Dự án chuyển tiếp

2	Đầu tư Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	QĐ số 290/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của UBND huyện	30,268.00	26,661.00	7,198.40	6,544.00		Dự án chuyển tiếp
3	Nghĩa trang nhân dân huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	QĐ số 289/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của UBND huyện	11,000.00	10,000.00	3,881.90	3,529.00		Dự án chuyển tiếp
4	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	QĐ số 291/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của UBND huyện	33,000.00	27,073.00	5,500.00	5,000.00		Dự án chuyển tiếp
5	Cầu suối đá huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	QĐ số 288/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của UBND huyện	77,000.00	70,000.00	6,704.50	6,095.00		- Dự án chuyển tiếp - Điều chỉnh giảm 4.258 triệu đồng
III	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**							**2,127.30**	**1,013.00**		
2.1	Đường vào khu sản xuất N3, thôn 1, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 1	2023	QĐ số 80/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Dom	1,839.60	876.00	1,839.60	876.00	x	
2.2	Đường vào khu sản xuất số 2, thôn Ia Muung, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn Ia Muung	2023-	QĐ số 75/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND xã Ia Dom	1,522.50	725.00	287.70	137.00	x	